

Đề cương

Môn Thị Trường Chứng Khoán

Mục Lục

Câu 1: Phân tích các chức năng của TTCK.....	2
Câu 2: Chứng khoán là gì? Các cách để phân loại chứng khoán. (chú ý thuật ngữ chứng khoán vốn, chứng khoán nợ).....	3
Câu 3: Chứng khoán phái sinh là gì? kể tên các loại chứng khoán phái sinh, phân biệt chứng quyền, quyền mua cổ phần, cho ví dụ minh họa 2 loại	4
Câu 4: Phân tích cơ cấu, mục tiêu của TTCK.....	5
Câu 5: Phân tích các nguyên tắc hoạt động của TTCK.....	7
Câu 6: Những tổ chức, cá nhân tham gia vào TTCK.....	8
Câu 7: Phân biệt 2 hình thức phát hành: phát hành riêng lẻ và chào bán công khai.....	10
Câu 8: Những đặc trưng cơ bản của trái phiếu và cách phân loại trái phiếu.....	10
Câu 9: Hãy trình bày và phân tích các ưu điểm, hạn chế của các phương pháp chào bán chứng khoán ra công chúng.....	12
Câu 10: Tại sao thị trường tiền tệ được đặc trưng bởi hình thức tài chính gián tiếp còn thị trường chứng khoán lại được đặc trưng bởi hình thức tài chính trực tiếp?.....	14
Câu 11: Phân tích điểm lợi và bất lợi đối với các doanh nghiệp được niêm yết chứng khoán.....	14
Câu 12: Nội dung chủ yếu của các loại lệnh giao dịch. Cho ví dụ minh họa.....	15
Câu 13: Trình bày những nghiệp vụ kinh doanh của công ty CK.....	Error! Bookmark not defined.
Câu 14: Phân tích tác động của lãi suất thị trường đến giá cả và cáclãi suất của trái phiếu.....	Error! Bookmark not defined.
Câu 15: Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố chủ yếu đến giá thị trường của trái phiếu.....	Error! Bookmark not defined.
Câu 16: Luận điểm cơ bản của phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật.....	17
Câu 17: Trình bày phương pháp ước định giá cổ phiếu thường.....	17
Câu 18: Trình bày nội dung một số chỉ số giá CK sau: VN-Index, S&P 500; Dow Jones; Nikkei.....	Error! Bookmark not defined.
Câu 19: Phương pháp xác định, nội dung các chỉ tiêu:.....	19
Câu 20: Hãy phân biệt thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp (đặc điểm của TTCK sơ cấp, TTCK thứ cấp).....	20

Câu 1: Phân tích các chức năng của TTCK

TTCK gồm 4 chức năng

1. Huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế

- Chức năng này được thực hiện khi công ty phát hành chứng khoán và công chúng mua chứng khoán.

- Sự hoạt động của TTCK tạo ra một cơ chế chuyển các nguồn vốn từ nơi thừa đến nơi thiếu, cung cấp phương tiện huy động số vốn nhàn rỗi trong dân cư cho các công ty sử dụng vào các mục đích khác nhau như đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất mới và Chính phủ, chính quyền địa phương huy động được vốn sử dụng cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế phục vụ nhu cầu chung của xã hội.

2. Cung cấp môi trường đầu tư cho công chúng

- TTCK cung cấp cho công chúng một môi trường đầu tư lành mạnh với các cơ hội lựa chọn phong phú

~> Khuyến khích tiết kiệm để đầu tư.

3. Cung cấp khả năng thanh khoản cho chứng khoán

- Nhờ có TTCK, các nhà đầu tư có thể đổi các chứng khoán họ sở hữu thành tiền mặt hoặc các loại chứng khoán khác khi họ muốn.

- Đây là chức năng quan trọng đảm bảo TTCK hoạt động năng động, có hiệu quả và khả năng thanh khoản của chứng khoán tỷ lệ thuận với mức độ năng động, hiệu quả của TTCK.

4. Đánh giá giá trị doanh nghiệp và tình hình của nền kinh tế

- TTCK là nơi đánh giá giá trị doanh nghiệp và tình hình nền kinh tế một cách tổng hợp và chính xác thông qua chỉ số giá chứng khoán trên thị trường.

5 Tạo môi trường giúp Chính phủ thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô

- TTCK là phong vũ biểu của nền kinh tế và là công cụ quan trọng giúp Chính phủ thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô.

- + Chính phủ mua bán trái phiếu Chính phủ để tạo nguồn thu bù đắp thâm hụt ngân sách Nhà nước và quản lý lạm phát.
- + Chính phủ cũng có thể sử dụng một số chính sách, biện pháp tác động vào TTCK để định hướng đầu tư đảm bảo kinh tế phát triển cân đối.

Câu 2: Chứng khoán là gì? Các cách để phân loại chứng khoán. (chú ý thuật ngữ chứng khoán vốn, chứng khoán nợ)

1. Khái niệm

Chứng khoán là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành

2. Các cách phân loại chứng khoán

a. Theo chủ thể phát hành

- Chứng khoán Chính phủ và chính quyền địa phương : Chứng khoán do Chính phủ và chính quyền địa phương phát hành, thường là trái phiếu.
- Chứng khoán doanh nghiệp : Chứng khoán do các doanh nghiệp phát hành, bao gồm các cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp
- Chứng khoán của ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính tín dụng : Chứng khoán do các ngân hàng và các tổ chức tài chính tín dụng phát hành nhằm phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ

b. Theo tính chất huy động vốn

- Chứng khoán vốn : Chứng khoán xác nhận quyền sở hữu một phần Công ty cổ phần, người sở hữu chứng khoán vốn đồng thời có quyền sở hữu Công ty và được hưởng các quyền lợi trong Công ty.
- Chứng khoán nợ : Chứng khoán xác nhận một khoản nợ của nhà phát hành với người nắm giữ chứng khoán, thể hiện sự cam kết của nhà phát hành thanh toán những khoản tiền lãi và khoản tiền gốc tại những thời điểm nhất định.
- Chứng khoán phái sinh : Chứng khoán thể hiện quyền được mua hoặc bán cổ phiếu, trái phiếu theo các điều kiện nhất định đã thỏa thuận trước.

c. Theo lợi tức của chứng khoán

- Chứng khoán có thu nhập cố định : Chứng khoán mà thu nhập có thể xác định trước, không phụ thuộc vào bất kỳ một yếu tố nào khác
- Chứng khoán có thu nhập biến đổi : Chứng khoán có thu nhập thay đổi phụ thuộc vào một số yếu tố nhất định

d. Theo hình thức chứng khoán

- Chứng khoán ghi danh : Chứng khoán trên đó có ghi tên người sở hữu, khả năng chuyển nhượng (thanh khoản ?) kém.
- Chứng khoán không ghi danh : Chứng khoán không ghi tên người sở hữu, được tự do chuyển nhượng

e. Theo thị trường nơi chứng khoán được giao dịch

- Chứng khoán được niêm yết : Chứng khoán được chấp nhận đủ tiêu chuẩn và được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán
- Chứng khoán không được niêm yết : Chứng khoán không được niêm yết tại Sở giao dịch trên thị trường phi tập trung

Câu 3: Chứng khoán phái sinh là gì? kể tên các loại chứng khoán phái sinh, phân biệt chứng quyền, quyền mua cổ phần, cho ví dụ minh họa 2 loại**1. Khái niệm**

Chứng khoán phái sinh là chứng khoán thể hiện quyền được mua hoặc bán cổ phiếu, trái phiếu theo các điều kiện nhất định đã thỏa thuận trước.

2. Các loại chứng khoán phái sinh

- Quyền mua cổ phần
- Chứng quyền
- Hợp đồng kỳ hạn
- Hợp đồng tương lai

- Quyền lựa chọn

3. Quyền mua cổ phần và chứng quyền

Quyền mua cổ phần	Chứng quyền
Công ty phát hành cổ phiếu đưa ra	Công ty phát hành cổ phiếu ưu đãi, trái phiếu đưa ra
Thời hạn lưu hành vài tháng	Thời hạn lưu hành vài năm
Giá đặc quyền thấp hơn cổ phiếu	Giá đặc quyền cao hơn cổ phiếu
Thời hạn nộp tiền mua ngắn	Thời hạn nộp tiền mua dài
Mục đích để bảo vệ quyền lợi của cổ đông hiện hữu.	Mục đích để phát hành chứng khoán mới dễ dàng hơn.
Chỉ dành cho cổ đông hiện hữu	Dành cho mọi nhà đầu tư mua trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi
Để mua cổ phiếu mới	Để mua cổ phiếu thường
Độc lập.	Không độc lập vì nó được phát hành việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi.
Ví dụ : 1 công ty cổ phần có 100.000 cổ phiếu thường đang lưu hành và muốn huy động thêm một lượng vốn là 500 triệu đồng bằng cách phát hành thêm 50.000 cổ phiếu thường với mệnh giá 10.000/cổ phiếu. Chẳng hạn ông A đang nắm giữ 20.000 cổ phiếu, ông sẽ được mua thêm 40.000 (?) cổ phiếu	Ví dụ : Ở thời điểm hiện tại tại công ty cổ phần T có cổ phiếu thường đang lưu hành trên thị trường với giá 20.000/cổ phiếu, công ty phát hành thêm 1 triệu trái phiếu có mệnh giá 200.000/trái phiếu. Mỗi người đầu tư khi mua một trái phiếu sẽ nhận được một chứng quyền mua cổ phiếu của công ty với giá 30.000/cổ phiếu vào bất kỳ thời điểm nào cho tới ngày 31/12/N

Câu 4: Phân tích cơ cấu, mục tiêu của TTCK.

1. Cơ cấu của TTCK

- Căn cứ vào phương thức giao dịch :

+ Thị trường giao ngay (thị trường thời điểm) : Thị trường giao dịch mua bán theo giá của ngày hôm đó.

+ Thị trường tương lai : Thị trường mua bán chứng khoán theo những hợp đồng mà giá cả được thỏa thuận ngay trong ngày giao dịch những việc thanh toán và giao hoán lại diễn ra ở một kỳ hạn nhất định trong tương lai.

- Căn cứ vào tính chất chứng khoán được giao dịch :

- + Thị trường cổ phiếu : Thị trường nơi các cổ phiếu được phát hành và giao dịch.
- + Thị trường trái phiếu : Thị trường nơi các trái phiếu được phát hành giao dịch.
- Căn cứ vào sự luân chuyển các nguồn vốn :
- + Thị trường sơ cấp : Thị trường mua bán chứng khoán mới phát hành (lần đầu phát hành)
- + Thị trường thứ cấp : Nơi giao dịch các chứng khoán đã được phát hành trên thị trường sơ cấp

2. Mục tiêu của TTCK

a. Hoạt động hiệu quả

Một TTCK có hiệu quả là một thị trường có tính hiệu quả về mặt thông tin và cơ chế giao dịch. Để đạt được điều này, TTCK cần phải đảm bảo các yêu cầu sau :

- Giá cả phải là giá cân bằng giữa cung và cầu và phải phản ánh được tức thời các thông tin có liên quan có thể ảnh hưởng tới giá cả.
- Cơ chế và thủ tục giao dịch cần phải được tiêu chuẩn hóa để có thể thực hiện được một số lượng lớn các giao dịch một cách thông suốt
- Chi phí giao dịch phải được tối thiểu hoá, đảm bảo những lợi ích thu được từ đầu tư vào chứng khoán không bị chi phí giao dịch ăn mòn.
- TTCK phải được tổ chức một cách thuận tiện cho những người sử dụng để thu hút được nhà đầu tư.

b. Điều hành công bằng

Điều hành công bằng TTCK là việc đảm bảo sự bình đẳng giữa những người tham gia vào thị trường. Muốn điều hành công bằng TTCK cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Các cơ quan điều hành thị trường phải xác lập các quy chế đảm bảo sự cạnh tranh tự do bình đẳng trên thị trường.

- Đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư thông qua việc duy trì thị trường lành mạnh, chống lại các trường hợp lũng đoạn thị trường và bóp méo giá gây thiệt hại cho nhà đầu tư.

c. Phát triển ổn định TTCK

Để đảm bảo TTCK phát triển ổn định và lành mạnh cần chú trọng phát triển và loại trừ các khả năng xảy ra khủng hoảng thị trường do mất khả năng thanh khoản hoặc do biến động giá cả quá lớn.

Câu 5: Phân tích các nguyên tắc hoạt động của TTCK

1. Nguyên tắc cạnh tranh tự do

Các nhà phát hành, nhà đầu tư được tự do tham gia và rút khỏi thị trường, giá cả trên thị trường phản ánh quan hệ cung cầu về CK và thể hiện tương quan cạnh tranh giữa các công ty.

Trên thị trường sơ cấp, các nhà phát hành cạnh tranh với nhau để bán CK của mình cho các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư được tự do lựa chọn các CK mà họ muốn đầu tư vào.

Trên thị trường thứ cấp các nhà đầu tư cũng cạnh tranh tự do để tìm kiếm cho mình một CK có lợi nhuận cao nhất.

2. Nguyên tắc giao dịch công bằng

Tất cả mọi giao dịch phải được thực hiện trên cơ sở những quy định chung và mọi người tham gia thị trường đều bình đẳng không việc thực hiện những quy định này.

Các trường hợp giao dịch bất dịch bất bình đẳng đều bị nghiêm cấm.

3. Nguyên tắc công khai

Các tin tức có tác động đến sự thay đổi giá cả của CK cần phải công khai cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm tạo cho họ có cơ hội đầu tư như nhau, đồng thời đó cũng là biện pháp quan trọng để ngăn chặn các hành vi gian lận trong kinh doanh CK.

4. Nguyên tắc trung gian mua bán

Trên TTCK, các giao dịch được thực hiện thông qua tổ chức môi giới để đảm bảo các loại chứng khoán được giao dịch là chứng khoán thực tế và hợp pháp, tránh sự giả mạo lừa đảo trong giao dịch.

Các công ty chứng khoán, bằng việc thực hiện các nghiệp vụ của mình đảm nhận vai trò trung gian cho cung và cầu chứng khoán gặp nhau.

4. Nguyên tắc đấu giá

a. Căn cứ vào hình thức đấu giá

- Đấu giá trực tiếp : Hình thức đấu giá trong đó các nhà môi giới chứng khoán trực tiếp gặp nhau thông qua trung gian tại quầy giao dịch để thương lượng giá.
- Đấu giá gián tiếp : Hình thức đấu giá mà việc thương lượng được thực hiện gián tiếp thông qua hệ thống điện thoại và mạng máy tính.
- Đấu giá tự động : Hình thức đấu giá qua hệ thống mạng máy tính nối giữa máy chủ của Sở giao dịch với hệ thống máy của công ty chứng khoán thành viên.

b. Căn cứ vào phương thức đấu giá

- Đấu giá định kỳ : Tập hợp và khớp lệnh giao dịch trong một khoảng thời gian nhất định, tìm ra một mức giá để tại đó khối lượng giao dịch được thực hiện là lớn nhất.
- Đấu giá liên tục : Việc mua bán chứng khoán được tiến hành liên tục bằng cách khớp các lệnh giao dịch ngay khi có cặp lệnh trùng khớp có thể phối hợp được với nhau.

Câu 6: Những tổ chức, cá nhân tham gia vào TTCK.

1. Nhà phát hành

Nhà phát hành là các tổ chức cần vốn và thực hiện huy động vốn thông qua TTCK. Nhà phát hành là người cung cấp các chứng khoán – hàng hoá của TTCK, bao gồm:

- Chính phủ và chính quyền địa phương phát hành các trái phiếu chính phủ và trái phiếu địa phương.

- Doanh nghiệp phát hành các cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp.
- Các ngân hàng, tổ chức tài chính phát hành các công cụ tài chính phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của họ.

2. Nhà đầu tư

Nhà đầu tư là những người bỏ tiền đầu tư vào chứng khoán nhằm mục đích thu lời. Nhà đầu tư gồm 2 loại:

- Nhà đầu tư cá nhân

+ Nhà đầu tư cá nhân là những cá nhân tham gia mua bán chứng khoán trên TTCK với mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Họ là những người có vốn nhàn rỗi tạm thời muốn đầu tư để kiếm lời.

+ Nhà đầu tư cá nhân gồm có nhà đầu tư chấp nhận rủi ro và nhà đầu tư không thích rủi ro.

- Nhà đầu tư có tổ chức (nhà đầu tư chuyên nghiệp)

- Nhà đầu tư có tổ chức là các tổ chức thường xuyên mua bán chứng khoán với số lượng lớn trên thị trường. Các tổ chức này thường có các bộ phận chức năng bao gồm nhiều chuyên gia có kinh nghiệm để nghiên cứu thị trường và đưa ra các quyết định đầu tư.

- Nhà đầu tư chuyên nghiệp gồm có các công ty đầu tư, công ty bảo hiểm, các quỹ hưu trí và các quỹ BHXH khác, công ty tài chính.

3. Các tổ chức kinh doanh trên TTCK

- Công ty chứng khoán

+ Một loại hình định chế trung gian đặc biệt trên TTCK, thực hiện các nghiệp vụ chính là : môi giới, bảo lãnh phát hành và tự doanh. Không phải công ty CK nào cũng được thực hiện cả 3 nghiệp vụ như trên. Để có thể thực hiện mỗi nghiệp vụ, các công ty CK phải đảm bảo có một số vốn nhất định và phải được phép của cơ quan có thẩm quyền.

+ Công ty chứng khoán có vai trò huy động vốn, hình thành giả cả chứng khoán, thực thi tính hoán tệ của chứng khoán và thực hiện tư vấn đầu tư.

- Ngân hàng thương mại

Hoạt động của các ngân hàng thương mại trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán tùy theo điều kiện và luật pháp mỗi nước quy định. Trên thế giới có 2 kiểu mẫu sau:

+ Ngân hàng đa năng : Ngân hàng phải thành lập công ty con chuyên hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán với tài sản riêng và hạch toán riêng.

+ Ngân hàng thương mại có sự tách biệt pháp lý giữa ngành công nghiệp ngân hàng và công nghiệp chứng khoán.

Câu 7: Phân biệt 2 hình thức phát hành: phát hành riêng lẻ và chào bán công khai.

		Phát hành riêng lẻ	Chào bán ra công chúng
Khác	Lý do chọn lựa	<ul style="list-style-type: none"> - Không đủ tiêu chuẩn phát hành ra công chúng - Cần huy động ít vốn với số lượng chứng khoán nhỏ để giảm chi phí - Duy trì các mối quan hệ kinh doanh - Phát hành cho cán bộ công nhân viên chức trong công ty 	<ul style="list-style-type: none"> - Quảng bá tên tuổi của Công ty - Tạo nguồn khách hàng cho Công ty - Thu hút, duy trì đội ngũ nhân viên giỏi làm tăng chất lượng hoạt động sản xuất-kinh doanh
	Phạm vi	Phạm vi nhỏ giữa một số nhà đầu tư nhất định	- Phạm vi lớn, được chào bán rộng rãi cho tất cả các nhà đầu tư
	Thủ tục	Thủ tục đơn giản	Thủ tục phức tạp, nhiều nghĩa vụ
	Giá trị phát hành	Giá trị đợt phát hành nhỏ với số lượng người mua ít	Giá trị đợt phát hành lớn với số lượng người mua nhiều
	Chi phí	Thấp	Cao
	Giá chứng khoán	Thấp	Cao

Câu 8: Những đặc trưng cơ bản của trái phiếu và cách phân loại trái phiếu.

1. Những đặc trưng cơ bản của một trái phiếu

- Mệnh giá trái phiếu (Giá trị danh nghĩa của trái phiếu) : là giá trị được ghi trên trái phiếu. Mệnh giá là căn cứ để xác định số lợi tức tiền vay mà người phát hành

phải trả, đồng thời thể hiện số tiền người phát hành phải hoàn trả khi trái phiếu đến hạn.

- Lãi suất danh nghĩa : là lãi suất được ghi trên trái phiếu hoặc người phát hành công bố trả cho nhà đầu tư. Lãi suất này được xác định theo tỷ lệ % với mệnh giá của trái phiếu.

- Thời hạn của trái phiếu : Là khoảng thời gian từ ngày phát hành đến ngày người phát hành hoàn toàn trả tiền vốn lần cuối.

- Kỳ trả lãi : Là khoảng thời gian người phát hành trả lãi cho người nắm giữ trái phiếu.

- Giá phát hành : Là giá bán của trái phiếu vào thời điểm phát hành.

2. Phân loại trái phiếu

- Theo người phát hành

+ Trái phiếu của chính phủ và chính quyền địa phương.

+ Trái phiếu của ngân hàng và các tổ chức tài chính.

+ Trái phiếu doanh nghiệp.

- Theo lợi tức trái phiếu:

+ Trái phiếu có lãi suất cố định.

+ Trái phiếu không có lãi suất.

- Theo mức độ đảm bảo thanh toán của người phát hành

+ Trái phiếu đảm bảo.

+ Trái phiếu không bảo đảm.

- Theo khả năng chuyển đổi của trái phiếu

+ Trái phiếu có thể chuyển đổi.

+ Trái phiếu có quyền mua cổ phiếu.

- + Trái phiếu có thể mua lại.
- Theo hình thức trái phiếu:
- + Trái phiếu vô danh.
- + Trái phiếu ghi danh.

Câu 9: Hãy trình bày và phân tích các ưu điểm, hạn chế của các phương pháp chào bán chứng khoán ra công chúng.

1. Phương pháp phát hành trực tiếp

- Doanh nghiệp phát hành trực tiếp chào bán chứng khoán cho công chúng theo giá chào bán đã xác định, hầu như chỉ áp dụng cho các đợt phát hành nhỏ hoặc phát hành thêm.
- Ưu điểm : Chi phí phát hành tương đối thấp (do doanh nghiệp phát hành tự lo liệu các thủ tục).
- Nhược điểm :
 - + Thời gian huy động vốn kéo dài ảnh hưởng đến vấn đề huy động vốn.
 - + Khi thị trường vốn trên có nhiều người phát hành, doanh nghiệp khó nắm được tình hình thị trường, nhu cầu đầu tư. Do đó, việc phát hành chứng khoán có thể gặp rủi ro, doanh nghiệp không huy động được số vốn cần thiết.

2. Phương pháp uỷ thác phát hành (bảo lãnh phát hành)

- Phương pháp phát hành gián tiếp. Doanh nghiệp thông qua một tổ chức được gọi là tổ chức bảo lãnh phát hành để chào bán chứng khoán ra công chúng.
- 2 hình thức bảo lãnh phát hành:
 - + Bảo đảm chắc chắn : người bảo lãnh mua toàn bộ số chứng khoán của người phát hành rồi bán ra công chúng. Họ sẽ nhận được số tiền chênh lệch giữa giá chào bán và giá thương lượng với người phát hành. Nếu không bán hết họ sẽ trở thành người đầu tư của chứng khoán đó.

+ Cố gắng tối đa: Nhà bảo lãnh đóng vai trò như một đại lý để phát hành chứng khoán đó cho người phát hành. Họ sẽ cố gắng hết sức để bán chứng khoán mới ra công chúng.

+ Tất cả hoặc là không : Yêu cầu người bảo lãnh bảo đảm huy động số vốn tối thiểu, nếu không thực hiện được, đợt phát hành phải bị hủy bỏ.

- Ưu điểm:

+ Chia sẻ rủi ro giữa nhà phát hành và nhà môi giới.

+ Thời gian tập trung vốn nhanh, đúng dự kiến do có công ty phát hành.

- Hạn chế:

+ Chi phí cao hơn phương pháp phát hành trực tiếp vì phải trả chi phí cho công ty bảo lãnh.

+ Công ty phải tuân thủ một chế độ công bố thông tin rộng rãi, nghiêm ngặt và chịu sự giám sát chặt chẽ.

3. Phương pháp chào bán bằng đấu thầu

- Phương pháp chào bán bằng đấu thầu, trải qua các bước sau:

+ Thông báo đấu thầu

+ Đăng ký đấu thầu

+ Đặt thầu

+ Mở thầu và xác định kết quả

+ Công bố kết quả đấu thầu

- Ưu điểm: được coi là “cơ chế phát hiện giá”, có sự cạnh tranh nên có lợi cho người phát hành, huy động được vốn cần thiết.

- Hạn chế: chi phí tương đối lớn nên chỉ sử dụng phương pháp này cho những vụ phát hành chứng khoán lớn.

Câu 10: Tại sao thị trường tiền tệ được đặc trưng bởi hình thức tài chính gián tiếp còn thị trường chứng khoán lại được đặc trưng bởi hình thức tài chính trực tiếp?

- Thị trường tiền tệ được đặc trưng bởi hình thức tài chính gián tiếp vì thị trường tiền tệ diễn ra chủ yếu thông qua hoạt động của hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng đóng vai trò là trung gian giữa người vay và người cho vay, nên hoạt động của người vay sẽ không ảnh hưởng trực tiếp đến người cho vay.
- TTCK được đặc trưng bởi hình thức tài chính trực tiếp vì người hoặc công ty cần huy động vốn và nhà đầu tư đều trực tiếp tham gia vào TTCK, giữa họ không có trung gian tài chính, và hoạt động của người hoặc công ty cần huy động vốn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhà đầu tư.

Câu 11: Phân tích điểm lợi và bất lợi đối với các doanh nghiệp được niêm yết chứng khoán.

- Ưu điểm:

- + Làm tăng uy tín của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong kinh doanh : Doanh nghiệp được niêm yết chứng khoán sẽ được biết đến nhiều hơn, đồng thời cũng chứng minh được tiềm lực về khả năng kinh doanh cũng như tình hình tài chính lành mạnh của công ty.
- + Làm tăng tính thanh khoản đối với chứng khoán của doanh nghiệp : Chứng khoán của doanh nghiệp được niêm yết tại SGDCK sẽ có sức hút lớn với nhà đầu tư, do đó việc giao dịch loại chứng khoán này sẽ thuận lợi hơn, người đầu tư dễ dàng chuyển chứng khoán thành tiền.
- + Tạo điều kiện cho doanh nghiệp dễ dàng huy động vốn với chi phí thấp : Khi doanh nghiệp có chứng khoán được niêm yết tại SGDCK sẽ tạo được lòng tin và chứng khoán trở nên có sức hút, do vậy việc phát hành chứng khoán để huy động vốn sẽ trở nên dễ dàng.
- + Thúc đẩy việc tổ chức quản lý có hiệu quả hơn : Doanh nghiệp được niêm yết chứng khoán phải thực hiện công khai thông tin, luôn chịu sự giám sát chặt chẽ của cổ đông, buộc lãnh đạo quản lý công ty phải thực hiện tổ chức công ty tốt hơn.

+ Giá trị công ty được đánh giá và bộc lộ rõ ràng hơn : Giá của chứng khoán niêm yết tại SGDCK được hình thành dựa trên cơ sở cung-cầu, do đó có thể thể hiện sự đánh giá của người đầu tư với công ty.

+ Được hưởng ưu đãi nhất định : Được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, được miễn phí niêm yết lần đầu, . . . để khuyến khích niêm yết chứng khoán.

- Nhược điểm

+ Lộ thông do bị đối thủ cạnh tranh khai thác những thông tin buộc phải công khai theo quy định.

+ Đối mặt với rủi ro cao từ những hành vi phi pháp : Dễ trở thành nạn nhân của những hành động phi pháp như tung tin đồn thất thiệt, các hoạt động đầu cơ phi pháp là lung đoạn thị trường, thâm tóm sát nhập doanh nghiệp, . . .

+ Kiểm soát doanh nghiệp phức tạp hơn : Đối với công ty cổ phần, chứng khoán được mua bán rộng rãi sẽ dễ làm xáo trộn thành phần cổ đông, việc quản lý và kiểm soát sẽ khó khăn, phức tạp hơn.

+ Tăng chi phí : Doanh nghiệp được niêm yết phải nộp những khoản phí nhất định cho SGDCK như phí niêm yết lần đầu, phí niêm yết lại chứng khoán, phí niêm yết hàng năm, chi phí về kiểm toán, . . .

Câu 12: Nội dung chủ yếu của các loại lệnh giao dịch. Cho ví dụ minh họa.

1. Lệnh thị trường

- Là lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng yêu cầu thực hiện ngay theo giá của thị trường khi lệnh được chuyển đến.

- Trong lệnh này, khách hàng không ra giá cụ thể nhưng đã bao hàm ý phải bán hoặc mua ngay với giá có lợi cho khách hàng.

- Lệnh thị trường được ưu tiên hàng đầu trong tất cả các thứ tự ưu tiên khi tham gia đấu giá. Đây là loại lệnh được áp dụng phổ biến nhất trong giao dịch ở thị trường.

Ví dụ: Người đầu tư A đặt lệnh bán 300 CP với giá thị trường. Như vậy, với bất kỳ người nào mua CP của nhà đầu tư A với giá bao nhiêu thì lệnh của nhà đầu tư A luôn được thực hiện.

2. Lệnh giới hạn

- Là loại lệnh mà khách hàng đã đưa ra một mức giá giới hạn cụ thể yêu cầu thực hiện giao dịch, không cao hơn giá đó (nếu là mua), không thấp hơn giá đó (nếu là bán). Như vậy, khi nhận được lệnh này, người môi giới phải mua hoặc bán theo giá tốt hơn hoặc theo giá đã định.

- Khi đưa ra lệnh này, khách hàng có thể tránh được việc mua hoặc bán chứng khoán với mức giá không có lợi cho mình nhưng không có sự đảm bảo là lệnh sẽ được thực hiện.

Ví dụ: Người đầu tư đặt lệnh bán 500 CP của công ty X, với mức giá giới hạn 25.000đ/CP. Như vậy, với tất cả các lệnh mua với giá cao hơn hoặc bằng mức giá 25.000đ/CP thì lệnh được thực hiện.

3. Lệnh dừng

- Lệnh này được sử dụng để hạn chế sự thua lỗ hoặc bảo vệ lợi nhuận trong kinh doanh chứng khoán. Nó cũng là 1 lệnh “treo” bởi vì nó sẽ không được thực hiện cho đến khi đạt hoặc vượt mức giá ấn định. Giá này do khách hàng ấn định gọi là giá dừng.

Có 2 loại lệnh dừng:

+ Lệnh dừng để bán: được dùng để bảo vệ lợi nhuận hay hạn chế thua lỗ khi mua một loại chứng khoán để sau này bán ra thu lời, giá dừng thấp hơn giá thị trường hiện tại của chứng khoán.

VD: Ngày 26/5/2008, khách hàng A mua 100 CP với giá 100.000đ/CP. Hiện tại, ngày 26/7/2009, giá CP này lên tới 150.000đ/CP. Tại thời điểm này, khách hàng vẫn chưa muốn bán vì cho rằng giá còn cao nữa. Nhưng để phòng trường hợp giá không tăng mà lại giảm, khách hàng đã đặt lệnh dừng để bán với giá 140.000đ/CP. Nếu thực tế đến ngày 26/8/2009, giá CP đó là 170.000đ/CP, người môi giới sẽ bán theo giá thị trường. Nhưng nếu giá CP 000đ/CP, người môi giới sẽ bán số CP đó với giá 140.000đ/CP. Khách hàng giới hạn sự thua lỗ của mình là 40.000đ/CP.

Lệnh dừng để mua: thường được dùng trong trường hợp bán trước mua sau để bảo vệ lợi nhuận hay hạn chế thua lỗ, giá dừng cao hơn giá thị trường hiện tại của chứng khoán.

VD: Người A vay của công ty CK B 100 CP và bán đi với giá 30USD/CP ngày 17/6/2010. A hy vọng giá CP sẽ giảm xuống 20USD/CP thì sẽ mua lại để trả. Nhưng đề phòng trường hợp giá không giảm mà lại tăng, A đặt lệnh dừng để mua với giá 35USD/CP ngày 17/8/2010. Tại thời điểm mua, nếu giá CP là 25USD/CP, người môi giới sẽ mua theo giá thị trường là 25USD/CP. Nếu giá CP là 44USD/CP, người môi giới sẽ mua CP với giá 35USD/CP. Khách hàng giới hạn sự thua lỗ của mình ở mức 5USD/CP.

Câu 13: Luận điểm cơ bản của phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật.

1. Phương pháp phân tích cơ bản

- Luận điểm chủ yếu của phương pháp phân tích cơ bản : Giá trị của doanh nghiệp là yếu tố cơ bản quyết định giá cổ phiếu của công ty.
- Giá trị doanh nghiệp được đánh giá không chỉ nhìn nhận vào tình hình hiện tại của doanh nghiệp mà còn ở tương lai của doanh nghiệp. Giá cả cổ phiếu trên thị trường dao động xung quanh giá trị doanh nghiệp.

2. Phương pháp phân tích kỹ thuật

- Luận điểm của phương pháp phân tích kỹ thuật : giá cả cổ phiếu biến động có tính chất chu kỳ và theo nhiều chiều hướng nhất định. Bằng việc tập hợp, phân tích các số liệu thống kê về giá cả và khối lượng giao dịch của cổ phiếu có thể phát hiện ra xu hướng diễn biến của giá cổ phiếu cũng như của thị trường.

Câu 14: Trình bày phương pháp ước định giá cổ phiếu thường

1. Trên góc độ đầu tư ngắn hạn

+) Nhà đầu tư mua cổ phiếu để nắm giữ, sau đó một thời gian sẽ bán cổ phiếu đó đi. Do đó giá ước định của cổ phiếu thường là giá trị hiện tại của các khoản thu nhập trong tương lai do đầu tư cổ phiếu mang lại.

$$+) P_0 = \frac{D_1}{(1+i)^1} + \frac{D_2}{(1+i)^2} + \dots + \frac{D_n}{(1+i)^n} + \frac{P_n}{(1+i)^n}$$

$$P_0 = \sum_{t=1}^n \frac{Dt}{(1+i)^t} + \frac{P_n}{(1+i)^n}$$

Trong đó:

P_0 : giá ước định của cổ phiếu thường.

D_t : lợi tức cổ phiếu dự tính thu được ở năm thứ t .

P_n : giá bán cổ phiếu dự kiến vào cuối năm n .

n : số năm mà nhà đầu tư dự kiến nắm giữ cổ phiếu.

i : lãi suất chiết khấu (thường chọn là mức doanh lợi mà nhà đầu tư dự tính thu được)

+) Sau khi xác định giá ước định của cổ phiếu thì so sánh với giá cổ phiếu hiện hành

- Nếu nhỏ hơn, nhà đầu tư không nên mua.

- Nếu lớn hơn, nhà đầu tư nên mua.

2. Trên quan điểm đầu tư dài hạn

+) Nhà đầu tư mua cổ phiếu của một công ty nào đó và hy vọng trong tương lai doanh nghiệp sẽ phát triển và khoản thu nhập từ cổ phiếu ngày càng lớn hơn.

$$+) P_0 = \sum_{t=1}^{\infty} \frac{D_t}{(1+i)^t}$$

Để xác định P_0 theo phương pháp này ta phải xác định được cổ tức mà nhà đầu tư dự tính nhận được hàng năm.

- TH1: Cổ tức tăng đều hàng năm và mức tăng cổ tức mỗi năm đều bằng g .

$$P_0 = \frac{D_1}{i-g}; P_n = \frac{D_{n+1}}{i-g}$$

$$\text{Với } D_{n+1} = D_0(i-g)^{n+1}$$

TH2: Cổ tức hàng năm không tăng, không giảm ($g = 0$)

$$P_0 = \frac{D_0}{i}$$

TH3: Cổ tức tăng không đều hàng năm.

GD1: Là giai đoạn doanh nghiệp phát triển với tốc độ cao trong thời gian T năm và tỷ lệ tăng cổ tức hằng năm là G.

GD2: Là giai đoạn trưởng thành với tỉ lệ tăng cổ tức hằng năm là g.

$$P_0 = \sum_{t=1}^T \frac{D_0 (1+G)^t}{(1+i)^t} + \frac{1}{(1+i)^T} \times \frac{D_0 (1+G)^T (1+g)}{i-g}$$

Câu 15: Phương pháp xác định, nội dung các chỉ tiêu:

- Hệ số P/E (hệ số giá trên thu nhập)

+ Phương pháp xác định :

$$\text{Hệ số P/E} = \frac{\text{Giá thị trường của một cổ phiếu thường}}{\text{Thu nhập của một cổ phiếu thường}}$$

+ Nội dung : Hệ số P/E cho biết thị trường đã trả giá như thế nào cho thu nhập của Công ty, hay nói cách khác, nhà đầu tư đã phải bỏ ra bao nhiêu tiền để có được một đồng thu nhập.

- Hệ số chi trả cổ tức (chỉ số thanh toán cổ tức)

+ Phương pháp xác định :

$$\text{Hệ số chi trả cổ tức} = \frac{\text{Giá thị trường của một cổ phiếu thường}}{\text{Thu nhập của một cổ phiếu thường}} (\%)$$

+ Nội dung : Hệ số chi trả cổ tức cho biết lợi tức cổ phần của một cổ phiếu thường chiếm bao nhiêu phần thu nhập của cổ phiếu thường

- Thu nhập một cổ phiếu

+ Phương pháp xác định :

$$\text{Thu nhập một cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - phần trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số cổ phiếu thường đang lưu hành}}$$

(đồng/CP)

+ Nội dung : Thu nhập một cổ phiếu cho biết mỗi cổ phiếu trong năm có thể thu về bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế

- Tỷ suất lợi tức cổ phần (tỷ suất cổ tức)

+ Phương pháp xác định :

$$\text{Tỷ suất lợi tức cổ phần} = \frac{\text{Lợi tức cổ phần của một cổ phiếu thường (Dt)}}{\text{Giá thị trường của một cổ phiếu thường}}$$

+ Nội dung : Tỷ suất lợi tức cổ phần cho biết mỗi đồng đầu tư vào cổ phiếu thường thu được bao nhiêu phần cổ tức.

Câu 16: Hãy phân biệt thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp (đặc điểm của TTCK sơ cấp, TTCK thứ cấp)

		Thị trường sơ cấp	Thị trường thứ cấp
Giống		- Là các bộ phận của TTCK - Sử dụng công cụ là các loại chứng khoán - Có cùng đối tượng trao đổi mua bán - Đóng vai trò cung cấp vốn dài hạn cho nền kinh tế	
Khác	Khái niệm	Thị trường mua bán chứng khoán mới phát hành	Thị trường giao dịch các chứng khoán đã phát hành trên thị trường sơ cấp
	Đối tượng tham gia	Người phát hành và người đầu tư lần đầu	Các nhà đầu tư
	Các mối quan hệ	Quan hệ giữa người phát hành và nhà đầu tư	Quan hệ người đầu tư với người đầu tư
	Quy mô	Quy mô nhỏ, khối lượng giao dịch nhỏ	Quy mô lớn do mua đi bán lại nhiều lần, khối lượng giao dịch lớn.
	Giá cả	Do nhà phát hành ấn định	Do mối quan hệ cung-cầu trên thị trường
	Chức năng người môi giới	Người môi giới làm bảo lãnh	Người môi giới làm môi giới
	Cơ chế hoạt động	Theo cơ chế phát hành: Trực tiếp, uỷ thác, đấu giá thực hiện qua các hợp đồng	Theo cơ chế ghép lệnh, đầu giá là chủ yếu thông qua lệnh mua và bán chứng khoán
	Chức năng	Dẫn vốn vào nền kinh tế làm tăng vốn đầu tư	Lưu thông chứng khoán nhưng không làm tăng vốn đầu tư vào nền kinh tế
	Tần suất	Diễn ra không thường xuyên	Diễn ra thường xuyên, liên tục
	Tính luân chuyển	Ít linh hoạt	Linh hoạt do tính thanh khoản cao của CK
	Thu nhập người đầu tư	Lợi tức chứng khoán mà người phát hành trả cho người đầu tư	Chênh lệch giữa giá mua và giá bán chứng khoán
Tính đầu cơ	Thấp	Cao	

MỘT SỐ CÂU HỎI TƯ DUY**Câu 1: Tại sao đầu tư vào CK lại rủi ro?**

Đầu tư vào CK gặp rủi ro là do các yếu tố nằm ngoài công ty, công ty không thể kiểm soát được nó:

- **Mất khả năng thanh khoản:** Trên TTCK, nhiều khi người mua không biết rõ về người bán và khả năng thanh toán của họ nên việc một vài CK mất khả năng thanh khoản sẽ làm cho nhiều nhà đầu tư rời bỏ thị trường, dẫn đến tới phản ứng dây chuyền và gây ra khủng hoảng của toàn bộ thị trường. Để giải quyết vấn đề này cần có một cơ chế giao dịch đảm bảo thông suốt thành lập các tổ chức tài trợ chứng khoán, hỗ trợ thị trường nhằm ngăn ngừa tình trạng mất khả năng thanh khoản đối với các CK của các công ty vẫn hoạt động tốt.
- **Biến động giá:** Các biến động lớn về giá cả xảy ra khi cung và cầu tạm thời không cân bằng. Sự biến động quá mức của giá cả CK gây ra nỗi lo sợ cho các nhà đầu tư và cản trở sự hoạt động tốt của thị trường.

Câu 2: Tại sao giá cổ phiếu như nhau nhưng giá thị trường của chúng lại khác nhau?

- Mệnh giá cổ phiếu được cổ phiếu quy định, không có giá trị thực tế đối với người đầu tư và không liên quan đến thị giá cổ phiếu đó. Mệnh giá chỉ có giá trị với công ty tại thời điểm phát hành.
- Giá thị trường của cổ phiếu do nhiều yếu tố quyết định như cung-cầu CK trên thị trường.
 - Nếu cung > cầu thì giá thị trường thấp.
 - Nếu cung < cầu thì giá thị trường cao.
- Bên cạnh đó còn do một số nguyên nhân như: tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phát hành CK. Nếu công ty đó kinh doanh tốt thì giá thị trường của cổ phiếu cao và ngược lại.
- Do các yếu tố bất ổn của TTCK khu vực và trên thế giới cũng có tác động tiêu cực đến giá thị trường của các cổ phiếu.
- Do hành vi bất hợp pháp như sử dụng vốn lớn để đầu tư gây lũng loạn, biến động giá cả.
- Do mục đích của công ty muốn đẩy cao giá thị trường của CK (như mua lại cổ phần công ty).

Câu 3: Khi phát hành cổ phiếu thường để huy động vốn, người phát hành có lợi thế gì so với hoạt động huy động vốn khác?

Khi phát hành cổ phiếu thường để huy động vốn, người phát hành có lợi thế so với hoạt động huy động vốn khác là:

- Huy động vốn nhanh mà không cần phải thế chấp, lãi vay hay đặt cọc.
- Khi doanh nghiệp làm ăn thua lỗ thì không cần lo phải trả lãi cho cổ đông.

Câu 4: Đầu tư vào CK có phải là đánh bạc không?

Đầu tư vào CK không phải là đánh bạc vì:

- Có nhiều nhà đầu cơ, những người thường bị hiểu lầm là "đánh bạc" nhưng trên thực tế, họ là những người đầu tư ngắn hạn và TTCK không thể thiếu họ. Tuy nhiên, một nhà đầu cơ chuyên nghiệp phải là người thực sự giỏi, thực sự nhạy bén, hiểu biết thị trường và khả năng trường vốn tốt. Họ có thể đã thành công ở các lĩnh vực khác và "nhảy" vào lĩnh vực này với khả năng phân tích kinh tế, phân tích thị trường cũng như những hiểu biết rất rõ về tình hình hoạt động của các DN. Vì vậy, họ "đánh nhanh, rút gọn" bằng năng lực và sự hiểu biết của mình chứ không phải là đầu tư theo kiểu may rủi hay đánh bạc. Những nhà đầu cơ không hiểu biết nhưng bị cám dỗ bởi sự tăng trưởng nóng cứ "nhào vô, rút ra" chính là những người bị thua thiệt.

- Khi đánh bạc nhất định sẽ có người thắng và phải có kẻ thua. Đầu tư đúng giá trị một chứng khoán thì không như vậy, việc gia tăng tài sản từ CK luôn bao gồm phần lợi có thực cùng với hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ mà công ty phát hành CK đó sản xuất và cung cấp.
- Chứng khoán là việc mua bán quyền sở hữu của một hoặc nhiều tổ chức, doanh nghiệp thông qua môi trường giao dịch được mã hóa điện tử hoặc phi điện tử. Do vậy về cơ bản sự vận động của thị trường chứng khoán luôn có xu hướng bị điều chỉnh theo các quy luật kinh tế xã hội. Việc thao túng chứng khoán chỉ là những hành vi đơn lẻ của những cá nhân hoặc tổ chức cá biệt, không thể lấy đó làm mẫu và cơ sở để đánh giá chung cho lĩnh vực chứng khoán luôn là như vậy. Trong cuộc sống thì bất kể lĩnh vực nào hay ngành nghề nào cũng vậy hoàn toàn có những rủi ro, hên xui...

Câu 5: Tại sao coi CK là “phong vũ biểu” của nền kinh tế?

TTCK là nơi cung và cầu vốn dài hạn gặp nhau. Trên TTCK, giá cả các CK phản ánh sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và các ngành kinh tế nói chung.

- + Nếu giá CK tăng, chứng tỏ rằng đầu tư đang mở rộng, nền kinh tế tăng trưởng.
- + Nếu giá CK giảm cho thấy dấu hiệu tiêu cực của nền kinh tế.

Khảng định TTCK được gọi là “phong vũ biểu” của nền kinh tế, giúp chính phủ thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô. Thông qua TTCK, Chính phủ có thể mua và bán trái phiếu Chính phủ để tạo ra nguồn thu bù đắp thâm hụt ngân sách và quản lý lạm phát, hoặc sử dụng một số chính sách, biện pháp tác động vào TTCK nhằm định hướng đầu tư đảm bảo cho sự phát triển cân đối của nền kinh tế.

Câu 6: Tại sao đầu tư vào cổ phiếu rủi ro hơn đầu tư vào trái phiếu?

Đầu tư vào cổ phiếu rủi ro hơn đầu tư vào trái phiếu vì:

- Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn trái phiếu:
- Đầu tư cổ phiếu thì cổ tức phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đó, do đó cổ tức có thể thấp, cao hoặc bằng 0. Tức là người phát hành không có trách nhiệm thanh toán cổ tức khi doanh nghiệp làm ăn thua lỗ và mức rủi ro cao.
- Đầu tư trái phiếu thì trái tức nhận được là cố định và người phát hành phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền lãi và tiền gốc khi đến hạn thanh toán cho dù kết quả doanh nghiệp làm ăn như thế nào.
- Với cổ phiếu thì người nắm giữ là chủ sở hữu.

Với trái phiếu thì người nắm giữ là chủ nợ.

- Khi đầu tư vào cổ phiếu: người đầu tư không được quyền rút vốn trực tiếp từ công ty phát hành và chỉ có quyền chuyển nhượng lại cho người khác.

Khi đầu tư vào trái phiếu: người mua trái phiếu được phép lấy vốn gốc ở công ty phát hành.

Câu 7: Tại sao nói việc phát hành quyền mua cổ phần chỉ là hình thức bù đắp thiệt hại cho người đầu tư?

Nói việc phát hành quyền mua cổ phần chỉ là hình thức bù đắp thiệt hại cho người đầu tư vì khi công ty phát hành thêm cổ phần thì người sở hữu cổ phiếu cũ sẽ không giữ được % quyền sở hữu trong công ty như cũ. Vì vậy, khi phát hành cổ phiếu mới thì công ty phát hành quyền mua cổ phần để bù đắp thiệt hại cho người đầu tư.

CÔNG THỨC GIẢI BÀI TẬP

1. Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu thường =
$$\frac{\sum \text{giá trị tài sản} - \text{Các khoản nợ} - \sum \text{giá trị dùng cho cổ phiếu ưu đãi}}{\sum \text{số cổ phiếu thường đang lưu hành}}$$

Trong đó:

a.
$$\sum \text{tài sản} - \sum \text{nợ phải trả} = \text{Vốn chủ sở hữu}$$

b. Tổng giá trị dùng cho CP ưu đãi = Giá trị CP ưu đãi đã phát hành + Giá trị cổ tức ưu đãi chưa trả

2. % quyền sở hữu công ty =
$$\frac{\sum \text{cổ phiếu cổ đông đó nắm giữ}}{\sum \text{cổ phiếu công ty đang lưu hành}}$$

3. Giá mở cửa là giá mà tại giá đó có khối lượng giao dịch lớn nhất.

Nếu khối lượng giao dịch lớn nhất ở 2 mức giá khác nhau thì chọn giá gần với giá tham chiếu nhất.

Nếu khối lượng giao dịch lớn nhất ở 2 mức giá khác nhau và 2 mức giá đó gần với giá tham chiếu như nhau thì chọn giá cao hơn.

Mọi lệnh mua cao hơn giá chuẩn và mọi lệnh bán với giá thấp hơn giá chuẩn đều được thực hiện.

Số tiền mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty CK (khi lệnh của nhà đầu tư được thực hiện) = Tiền mua chứng khoán + Tiền hoa hồng

Số tiền mà công ty CK cho nhà đầu tư phải thanh toán (khi lệnh của nhà đầu tư được thực hiện) = Tiền bán chứng khoán – Tiền hoa hồng

4. Giá trị hiện tại (Pv):

$$Pv = \frac{FV_n}{(1+i)^n}$$

Trong đó: - Pv là giá trị hiện tại.

- i là lãi suất.

- n là số năm.

- FV_n là giá trị tương lai, gồm

{ Lãi đơn: $FV = Pv \cdot (1 + i \cdot n)$

{ Lãi kép: $FV = Pv \cdot (1 + i)^n$

5. Ước định giá trái phiếu.

$$P_0 = \sum_{t=1}^n \frac{C}{(1+i)^t} + \frac{M}{(1+i)^n}$$

Trong đó:

- + P_0 : giá ước định trái phiếu.
- + C : lợi tức hằng năm.
- + n : số năm.
- + i : lãi suất thị trường hoặc lãi suất dự tính của NĐT.
- + M : Mệnh giá trái phiếu.

Nhận xét:

- Nếu giá trị trái phiếu hiện hành < giá ước định của TP thì nên mua.
- Nếu giá trị trái phiếu hiện hành > giá ước định của TP thì không nên mua.
- Nếu giá trị trái phiếu hiện hành = giá ước định của TP thì chỉ nên mua nếu đầu tư loại TP này mang lại lợi ích xã hội.

6. Lãi suất danh nghĩa (i_n):

Trong đó:

- + i_n : lãi suất danh nghĩa.
- + C : lợi tức hằng năm.
- + M : mệnh giá trái phiếu.

$$i_n = \frac{C}{M} (\%)$$

7. Lãi suất hiện hành (i_h)

Trong đó:

- + i_h : lãi suất hiện hành.
- + C : lợi tức hằng năm.
- + P_m : giá hiện hành trái phiếu.

$$i_h = \frac{C}{P_m} (\%)$$

8. Cách giải bài toán xác định lãi suất hoàn vốn (IRR):

- Xuất phát từ công thức: $P_h = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+IRR)^t}$
- Xác định IRR bằng phương pháp NPV
- Mà NPV = giá trị hiện tại của các khoản thu nhập trong tương lai – Chi phí ban đầu của dự án.

$$NPV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+IRR)^t} - P_h$$

- Khi NPV=0 thì IRR là lãi suất hoàn vốn.
- Chọn r_1 sao cho $NPV_1 > 0$ (gần 0).
- Chọn r_2 sao cho $NPV_2 < 0$ (gần 0).
- ADCT:

$$IRR = r_1 + \frac{NPV_1 \cdot (r_2 - r_1)}{|NPV_1| + |NPV_2|}$$

9. Cách giải bài toán xác định lãi suất đáo hạn (R):

- Xuất phát từ công thức: $P_m = \sum_{t=1}^n \frac{C}{(1+R)^t} + \frac{M}{(1+R)^n} - P_m$

- Xác định R bằng phương pháp NPV

- Mà $NPV = \sum_{t=1}^n \frac{C}{(1+R)^t} + \frac{M}{(1+R)^n}$

• Chọn R_1 sao cho $NPV_1 > 0$ (gần 0).

• Chọn R_2 sao cho $NPV_2 < 0$ (gần 0).

- ADCT:

$$R = R_1 + \frac{NPV_1 \cdot (R_2 - R_1)}{|NPV_1| + |NPV_2|}$$

10. Lãi suất kỳ hạn (R'):

$$P_{t+1} = \sum_{t=1}^n \frac{C}{(1+i)^t} + \frac{M}{(1+i)^n}$$

Chú ý: n là số năm nắm giữ cổ phiếu.

$$R' = \frac{C + (P_{t+1} - P_t)}{P_t}$$

Chú ý: C là tiền lãi TP trong kỳ lưu giữ.

11. Ước định giá cổ phiếu:

a. Cổ phiếu thường:

❖ Trên góc độ đầu tư ngắn hạn:

$$CT: P_0 = \frac{D_1}{(1+i)} + \frac{D_2}{(1+i)^2} + \dots + \frac{D_n}{(1+i)^n} + \frac{P_n}{(1+i)^n} \quad \text{hay} \quad P_0 = \sum_{t=1}^n \frac{D_t}{(1+i)^t} + \frac{P_n}{(1+i)^n}$$

Trong đó: P_0 : giá ước định của cổ phiếu thường.

D_t : lợi tức cổ phiếu dự tính thu được ở năm thứ t.

P_n : giá bán cổ phiếu dự kiến vào cuối năm n.

n: số năm mà nhà đầu tư dự kiến nắm giữ cổ phiếu.

i: lãi suất chiết khấu (thường chọn là mức doanh lợi mà nhà đầu tư dự tính thu được)

Sau khi xác định giá ước định của cổ phiếu thì so sánh với giá cổ phiếu hiện hành

- Nếu nhỏ hơn, nhà đầu tư không nên mua.

- Nếu lớn hơn, nhà đầu tư nên mua.

❖ Trên quan điểm đầu tư dài hạn:

$$P_0 = \sum_{t=1}^n \frac{D_t}{(1+i)^t} \quad \text{vì khi } n \rightarrow \infty \text{ thì } \frac{P_n}{(1+i)^n} \rightarrow 0$$

- TH1: Cổ tức tăng đều hàng năm và mức tăng cổ tức mỗi năm đều bằng g.

$$P_0 = \frac{D_1}{i-g}$$

- TH2: Cổ tức hàng năm không tăng, không giảm ($g = 0$)

$$P_0 = \frac{D_0}{i}$$

- TH3: Cổ tức tăng không đều hàng năm.
- GD1: Là giai đoạn doanh nghiệp phát triển với tốc độ cao trong thời gian T năm và tỷ lệ tăng cổ tức hằng năm là G.
- GD2: Là giai đoạn trưởng thành với tỉ lệ tăng cổ tức hằng năm là g.

$$P_0 = \sum_{t=1}^T \frac{D_0 \cdot (1+G)^t}{(1+i)^t} + \frac{1}{(1+i)^T} \times \frac{D_0 \cdot (1+G)^T \cdot (1+g)}{(i-g)}$$

- a. Cổ phiếu ưu đãi:

$$P_p = \frac{D_p}{(1+i)} + \frac{D_p}{(1+i)^2} + \dots + \frac{D_p}{(1+i)^n}$$

$$P_p = \frac{D_p}{i}$$

Trong đó: P_p : giá cổ phiếu ưu đãi.

D_p : lợi tức cổ phiếu ưu đãi hàng năm.

i : mức doanh lợi hàng năm người đầu tư yêu cầu.

- 12. Các chỉ số:

- ❖ Hệ số P/E = $\frac{\text{Giá thị trường của 1 CP thường}}{\text{Thu nhập của 1 CP thường}}$

Trong đó:

- Thu nhập 1 CP thường = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Phần trả cổ tức cho CĐƯĐ}}{\text{Tổng số CP thường đang lưu hành}}$

Hay Thu nhập 1 CP thường = $\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế} - \text{Phần trả cổ tức cho CĐƯĐ}}{\text{Tổng số CP thường đang lưu hành}}$

- Cổ tức thực nhận = Hệ số chi trả * Thu nhập 1 CP thường.
- ❖ Tỷ suất lợi tức cổ phần = $\frac{\text{Lợi tức cổ phần của 1 cổ phiếu thường}}{\text{Giá trị thị trường của 1 cổ phiếu thường}}$

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com